

# NGHIÊN CỨU KHÓ KHĂN ĐẶC THÙ VỀ ĐỌC CỦA HỌC SINH TỈNH KIÊN GIANG NHẪM ĐÁP ỨNG MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC TRƯỜNG HỌC

TS. BÙI THẾ HỢP\*

Ngày nhận bài: 04/07/2016; ngày sửa chữa: 04/07/2016; ngày duyệt đăng: 04/07/2016.

**Abstract:** The article presents initial results of study on particular difficulty of reading for grade 2 students in Kien Giang province, within frame of survey topics to obtain comprehensive evaluation of reading, writing, calculating skills in primary education level in SEQAP provinces. The study results serve as basis to help SEQAP propose solutions which are accepted and used in the new period by Ministry of Education and Training to support students with particular learning difficulty.

**Keywords:** Students with particular difficulty of reading, Kien Giang province.

**M**ục tiêu chủ yếu của Chương trình Đảm bảo chất lượng giáo dục trường học (SEQAP) là nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện ở cấp tiểu học, đặc biệt với đối tượng học sinh (HS) nghèo, có nhiều khó khăn và HS dân tộc thiểu số ở 1.628 trường tiểu học của 282 huyện, thuộc 36 tỉnh trên toàn quốc.

Bên cạnh những thành công to lớn mang đậm tính nhân văn, báo cáo đánh giá giữa kì của SEQAP (2013) cho thấy: đến cuối học kì I năm học 2011-2012, tại 1.300 trường với 499.730 HS khu vực SEQAP có 5,6% HS xếp loại yếu kém về môn Tiếng Việt và 6,7% yếu kém về môn Toán. Lí luận và thực tiễn đều cho thấy, các kĩ năng đọc, viết, tính toán có tác động không nhỏ đến chất lượng hai môn học quan trọng nói trên. Đó là cơ sở để SEQAP quyết định triển khai hoạt động nghiên cứu “Đánh giá nhu cầu và xây dựng năng lực hỗ trợ giáo dục HS

có khó khăn học tập đặc thù về đọc, viết và tính toán tại các trường thuộc SEQAP”. Mặt khác, mô hình SEQAP về giải pháp cho các vấn đề hỗ trợ giáo dục HS có khó khăn học tập đặc thù đọc, viết và tính toán sẽ được Bộ GD-ĐT tiếp nhận, sử dụng trong giai đoạn mới.

Sau đây, chúng tôi trình bày kết quả nghiên cứu bước đầu về những khó khăn đặc thù về đọc của HS lớp 2 ở tỉnh Kiên Giang, trong khuôn khổ đề tài khảo sát đánh giá toàn diện về các kĩ năng đọc, viết, tính toán của HS tiểu học thuộc SEQAP.

## 1. Mục tiêu và quá trình triển khai nghiên cứu đối tượng khó khăn về đọc

### 1.1. Mục tiêu:

- *Mục tiêu chung:* Nghiên cứu thực trạng học tập của HS có khó khăn học tập đặc thù về đọc và thực trạng hỗ trợ giáo dục đối với những HS này tại vùng SEQAP quản

\* Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

lí; từ đó, đề xuất chương trình bồi dưỡng năng lực giáo dục HS có khó khăn học tập đặc thù về đọc; - *Mục tiêu cụ thể*: + Xây dựng bộ công cụ đánh giá sàng lọc và đánh giá đặc điểm của HS có khó khăn học tập đặc thù về đọc; + Đánh giá thực trạng hỗ trợ giáo dục HS có khó khăn học tập đặc thù về đọc và nhu cầu xây dựng năng lực cho các nhà trường hỗ trợ giáo dục những HS này; + Đề xuất Chương trình bồi dưỡng nâng cao năng lực cho giáo viên (GV) nhằm hỗ trợ giáo dục cá nhân cho HS có khó khăn học tập đặc thù về đọc.

### 1.2. Quá trình triển khai nghiên cứu:

- Quá trình triển khai nghiên cứu được thực hiện qua các bước cơ bản: Hội thảo định hướng nghiên cứu triển khai (phối hợp các cơ quan liên quan thuộc Bộ GD-ĐT và Trường Đại học Sư phạm Hà Nội); Hội thảo xây dựng công cụ và hoàn thiện bộ công cụ (nhóm cán bộ và chuyên gia chủ trì); Thực hiện khảo sát, xử lý dữ liệu và viết báo cáo (cán bộ, GV và nhóm chuyên gia); Hội thảo công bố kết quả khảo sát, xây dựng đề xuất chương trình bồi dưỡng GV và hoàn thiện các báo cáo nghiên cứu (nhóm nghiên cứu và các cán bộ, chuyên gia liên quan).  
- Công cụ khảo sát chính về kĩ năng đọc:  
+ Công cụ đánh giá sàng lọc: Bảng kiểm với 17 items kiểm tra các dấu hiệu biểu hiện khó khăn về đọc của HS tiểu học; + Bộ công cụ đánh giá sâu kĩ năng đọc của HS lớp 2 và lớp 5 nghi có khó khăn về đọc được thiết kế theo 5 tiểu thang đo: *Đọc chữ và dấu thanh; Đọc vần; Đọc tiếng có nghĩa và tiếng rỗng; Đọc và hiểu câu; Đọc và tìm hiểu bài.*

**1.3. Mẫu nghiên cứu, cách đánh giá và mô hình phân tích kết quả.** Mẫu khảo sát sàng lọc và đánh giá sâu kĩ năng đọc của HS lớp 2 tại Kiên Giang (xem *bảng 1*).

*Bảng 1. Mẫu sàng lọc và đánh giá sâu*

Huyện	Số trường khảo sát	Tổng số HS các trường khảo sát	Số HS lớp 2 các trường khảo sát	HS lớp 2 được sàng lọc về đọc	HS lớp 2 được đánh giá sâu về đọc
Châu Thành	5	1923	392	88	6
Hà Tiên	5	1921	361	100	10
Hòn Đất	5	2486	492	103	10
Tổng	15	6330	1245	291	26

Ở đánh giá sàng lọc, với từng HS được sàng lọc, GV chủ nhiệm sẽ đánh dấu (x) vào ô có hoặc không có trong mỗi dấu hiệu như ở *bảng 2*.

*Bảng 2. Các dấu hiệu khó khăn về đọc sử dụng trong đánh giá sàng lọc*

TT	Dấu hiệu	Mã dấu hiệu	Có	Không
1	Không thích đọc	D1		
2	Chưa đọc trơn được tiếng, từ	D2		
3	Nhầm lẫn vị trí phải/ trái, trên/ dưới	D3		
4	Gặp khó khăn trong việc học chữ - âm	D4		
5	Nhận diện nhầm các chữ cái đối xứng (phải/ trái: b/d, q/p..., trên dưới: d/q, ...)	D5		
6	Nhầm lẫn các vần giống về con chữ, khác về trật tự. Vd: ao/ oa, oe/ eo, ua/au...	D6		
7	Gặp khó khăn trong việc đánh vần vần	D7		
8	Gặp khó khăn trong việc đánh vần tiếng	D8		
9	Gặp khó khăn về phân tích tiếng. (Ví dụ: tiếng "bàn" có âm gì đứng đầu? Vần gì? Thanh gì?)	D9		
10	Đọc chậm hơn đáng kể so với các bạn cùng lớp	D10		
11	Mắc nhiều lỗi đọc	D11		
12	Đọc thừa, thiếu từ trong bài	D12		
13	Đọc nhảy, cách dòng trong bài	D13		
14	Hạn chế trong việc hiểu văn bản	D14		
15	Không ngắt, nghỉ hơi đúng khi đọc bài	D15		
16	Không ghi chép được bài trên lớp	D16		
17	Không thực hiện được bài chính tả nghe - viết	D17		

Khi thực hiện khảo sát sàng lọc, để tiết kiệm thời gian và nguồn lực, chỉ chọn ra

291 HS (trong số 1.245 HS khối 2 tại 15 trường khảo sát) để tìm kiếm các dấu hiệu khó khăn về đọc. 291 HS này (chiếm 23,37 % mẫu) là những HS có kết quả học tập môn *Tiếng Việt* thấp nhất của khối, nhưng không phải là các HS khuyết tật trí tuệ hay giác quan. Như thế, có thể giả định rằng hầu như toàn bộ HS có khó khăn đặc thù về đọc của 1.245 HS sẽ nằm toàn bộ trong nhóm 291 HS này.

Những HS thuộc diện nghi ngờ, bộc lộ nhiều dấu hiệu khó khăn về đọc trong số 291 em, đồng thời có kết quả môn *Tiếng Việt* dưới mức yêu cầu tối thiểu một cách đáng kể (học lớp 2 nhưng đọc kém hơn mức yêu cầu cuối lớp 1) sẽ được đánh giá sâu.

Kết quả sàng lọc và đánh giá sâu của từng HS được nhập liệu. Để ước tính tỉ lệ HS có khó khăn về đọc dựa trên bảng sàng lọc các dấu hiệu, chúng tôi tính số dấu hiệu khó khăn về đọc trung bình mà một HS được đánh giá sâu có kết quả điểm dưới 85 trên thang 100. Tất nhiên, việc xác định này còn cần phải đối chiếu với tỉ lệ khó khăn về đọc từ các nghiên cứu quốc tế và trong nước trước đó.

## 2. Kết quả sàng lọc khó khăn về đọc của HS lớp 2 ở tỉnh Kiên Giang

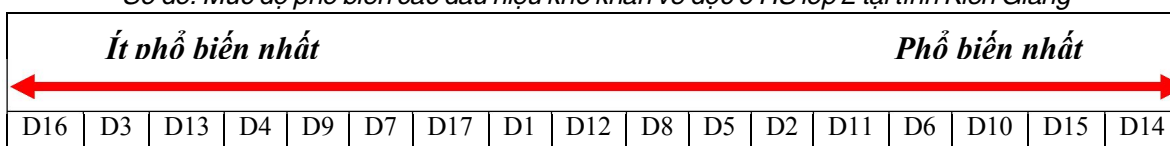
### 2.1. Kết quả sàng lọc (xem bảng 3)

Kết quả khảo sát ở 291 HS lớp 2 tại 15 trường thuộc 3 huyện/thị ở tỉnh Kiên Giang cho thấy, ở mỗi trong số 17 dấu hiệu đều có HS biểu hiện (xem *bảng 3*). Trong đó, có những dấu hiệu có tần suất biểu hiện cao ở nhiều HS và cũng có những dấu hiệu đặc trưng chỉ xuất hiện ở số ít các em. Trong 17 dấu hiệu, các dấu hiệu ít phổ biến nhất là: + D16 - Không ghi chép được bài trên lớp; + D3 - Nhầm lẫn vị trí phải/ trái, trên/ dưới; + D13 - Đọc nhảy, cách dòng trong bài. Trong khi đó, các dấu

**Bảng 3. Kết quả sàng lọc theo từng dấu hiệu ở HS lớp 2 tại tỉnh Kiên Giang (n=291)**

Dấu hiệu	Biểu hiện	Châu Thành		Hà Tiên		Hòn Đất		Cả 3 huyện	
		SL	%	SL	TL	SL	TL	SL	TL
D1	Có	3	3,4	36	40,4	50	56,2	89	32,7
	Không	83	45,4	47	25,7	53	29,0	183	67,3
D2	Có	4	3,9	51	50,0	47	46,1	102	37,0
	Không	84	48,3	34	19,5	56	32,2	174	63,0
D3	Có	2	4,4	10	22,2	33	73,3	45	16,9
	Không	85	38,5	66	29,9	70	31,7	221	83,1
D4	Có	1	1,7	22	36,7	37	61,7	60	22,4
	Không	85	40,9	57	27,4	66	31,7	208	77,6
D5	Có	1	1,0	45	46,9	50	52,1	96	35,7
	Không	85	49,1	35	20,2	53	30,6	173	64,3
D6	Có	3	2,1	61	42,1	81	55,9	145	53,3
	Không	85	66,9	20	15,7	22	17,3	127	46,7
D7	Có	1	1,6	28	45,9	32	52,5	61	22,5
	Không	86	41,0	53	25,2	71	33,8	210	77,5
D8	Có	1	1,1	44	48,4	46	50,5	91	33,1
	Không	86	46,7	41	22,3	57	31,0	184	66,9
D9	Có	0	0,0	25	41,7	35	58,3	60	22,4
	Không	86	41,3	54	26,0	68	32,7	208	77,6
D10	Có	5	3,3	69	45,7	77	51,0	151	53,7
	Không	83	63,8	21	16,2	26	20,0	130	46,3
D11	Có	2	1,5	61	45,9	70	52,6	133	49,1
	Không	86	62,3	19	13,8	33	23,9	138	50,9
D12	Có	2	2,3	32	36,4	54	61,4	88	32,4
	Không	86	46,7	49	26,6	49	26,6	184	67,6
D13	Có	1	2,2	14	31,1	30	66,7	45	16,9
	Không	86	38,7	63	28,4	73	32,9	222	83,1
D14	Có	4	2,1	97	49,7	94	48,2	195	67,0
	Không	84	87,5	3	3,1	9	9,4	96	33,0
D15	Có	3	1,9	68	42,5	89	55,6	160	59,0
	Không	85	76,6	12	10,8	14	12,6	111	41,0
D16	Có	0	0,0	14	46,7	16	53,3	30	11,3
	Không	86	36,4	63	26,7	87	36,9	236	88,7
D17	Có	1	1,3	51	67,1	24	31,6	76	28,0
	Không	86	44,1	30	15,4	79	40,5	195	72,0

hiệu phổ biến nhất là: + D14 - Hạn chế trong việc hiểu văn bản; + D15 - Không ngắt, nghỉ hơi đúng khi đọc bài; + D10 - Đọc chậm hơn đáng kể so với các bạn cùng lớp (xem *sơ đồ*). Điều này cho thấy, thông thường, HS dù không có khó khăn đặc thù về đọc cũng có thể có một hoặc một vài biểu hiện hạn chế về đọc. Các em có khó khăn đặc thù về đọc thì sẽ biểu hiện nhiều dấu hiệu hơn, bao hàm cả các dấu hiệu phổ biến và ít phổ biến.



Mỗi dấu hiệu khó khăn về đọc được GV xác định là có ứng với 1 điểm thì tổng số 291 HS lớp 2 qua khảo sát sàng lọc có mức điểm trung bình là  $M = 5,62$ , với độ lệch chuẩn là  $SD = 5,33$ . Nghĩa là, trung bình 1 HS ở nhóm khảo sát sàng lọc sẽ biểu hiện từ 5 đến 6 trong tổng số 17 dấu hiệu khó khăn về đọc. Tuy nhiên, có sự khác biệt cá nhân rất lớn về số biểu hiện này. Chẳng hạn, có 83/291 (chiếm 28,52%) HS trong nhóm sàng lọc không có biểu hiện nào trong số 17 dấu hiệu khó khăn về đọc, trong khi có 10/291 em (chiếm 3,44%) có cả 17 dấu hiệu. Độ lệch chuẩn trung bình  $SD = 5,33$  (khá cao) nói lên sự tản mát này (xem bảng 4 và bảng 5).

Bảng 4. Trung bình số dấu hiệu biểu hiện khó khăn về đọc ở nhóm sàng lọc và nhóm đánh giá sâu lớp 2 ở tỉnh Kiên Giang

Nhóm HS	Mean	SD
Châu Thành (n = 88)	4,67	3,78
Hà Tiên (n = 100)	5,98	4,88
Hòn Đất (n=103)	6,09	4,54
<b>Cả 3 huyện (n=291)</b>	<b>5,62</b>	<b>5,33</b>
<b>Nhóm KKVD (n=24)</b>	<b>10,03</b>	<b>3,66</b>

Trong số 26 HS được chọn để đánh giá sâu đặc điểm về đọc sau sàng lọc, có 24 em được xác định có khó khăn về đọc và 2 em không có khó khăn về đọc. Nhóm 24 em này có chỉ số biểu hiện khó khăn về đọc ở mức trung bình là  $Mean = 10,03$  và  $SD = 3,66$ . Như thế, nhóm có khó khăn về đọc biểu hiện số dấu hiệu nhiều hơn đáng kể so với nhóm sàng lọc, 10 dấu hiệu so với 5-6 dấu hiệu ở nhóm sàng lọc (xem bảng 4).

Bảng 5. Tỷ lệ % HS lớp 2 xuất hiện các dấu hiệu khó khăn về đọc qua sàng lọc

Số dấu hiệu biểu hiện	Tần số xuất hiện	%	% chắc chắn	% cộng dồn số dấu hiệu biểu hiện (n= 291)	Ước tính % cộng dồn số dấu hiệu biểu hiện (n=1245)
0	83	28,52	28,52	-	-
1	18	6,19	6,19	71,48	16,71
2	15	5,15	5,15	65,29	15,26
3	14	4,81	4,81	60,14	14,06
4	14	4,81	4,81	55,33	12,93
5	17	5,84	5,84	50,52	11,81
6	13	4,47	4,47	44,67	10,44
7	10	3,44	3,44	40,21	9,40
8	24	8,25	8,25	36,77	8,59
9	10	3,44	3,44	28,52	6,67
10	11	3,78	3,78	25,09	5,86
11	9	3,09	3,09	21,31	4,98
12	11	3,78	3,78	18,21	4,26
13	10	3,44	3,44	14,43	3,37
14	7	2,41	2,41	11,00	2,57
15	13	4,47	4,47	8,59	2,01
16	2	0,69	0,69	4,12	0,96
17	10	3,44	3,44	3,44	0,80
<b>Tổng cộng</b>	291	100	100	-	-

Nếu lấy mức mắc 10 lỗi trở lên trong bảng 17 dấu hiệu sàng lọc khó khăn về đọc ở HS tiểu học thì tỷ lệ nghi có khó khăn về đọc trong nhóm 291 HS lên tới 25,09%. Như đã đề cập, giả định rằng hầu như toàn bộ HS khó khăn về đọc trong số 1.245 HS khối 2 tại các trường khảo sát nằm gọn trong nhóm 291 HS này. Vì thế, tỷ lệ thực của HS lớp 2 qua khảo sát tại Kiên Giang

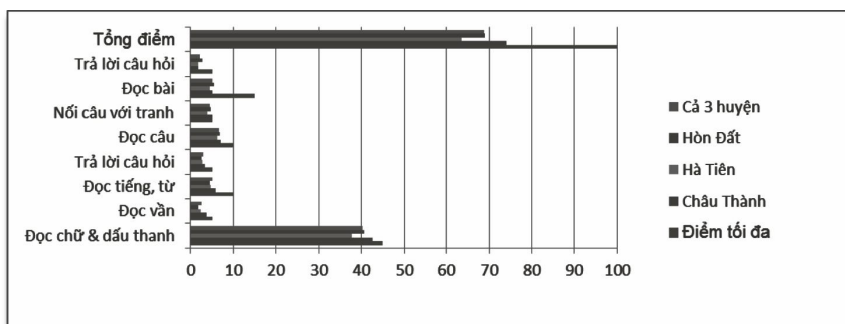
nghe có khó khăn về đọc ước tính chiếm khoảng 5,86%.

## 2.2. Kết quả đánh giá sâu

2.2.1. Kết quả toàn bài kiểm tra: Như đã đề cập ở mục 1.3, có 26 HS được chọn ra để đánh giá sâu đặc điểm khó khăn về đọc. Trong số này, xác định được 24 em có khó khăn về đọc, còn lại 2 em được GV đề xuất đánh giá sâu nhưng qua kiểm tra thì kết quả không thuộc diện khó khăn về đọc. Vì thế, các kết quả đánh giá sâu đặc điểm khả năng đọc ở HS lớp 2 được dựa trên dữ liệu của 24 em này (xem *bảng 6*).

*Bảng 6. Kết quả đánh giá sâu đặc điểm HS lớp 2 có khó khăn về đọc tại Kiên Giang (n=24)*

Mục	Nội dung kiểm tra	Điểm tối đa	Mean				Std. Deviation			
			Châu Thành	Hà Tiên	Hòn Đất	Cả 3 huyện	Châu Thành	Hà Tiên	Hòn Đất	Cả 3 huyện
A	Đọc chữ & dấu thanh	45	42,52	37,7	40,71	40,31	2,21	4,62	4,03	3.62
B	Đọc vần	5	3,71	2,32	1,73	2,59	1,22	1,51	1,64	1.46
C	Đọc tiếng, từ	10	5,75	4,61	4,54	4,97	2,34	2,32	1,43	2.03
	Trả lời câu hỏi	5	3,23	2,76	2,53	2,84	0,84	0,81	1,27	0.97
D	Đọc câu	10	6,92	6,18	6,82	6,64	2,67	2,23	2,48	2.46
	Nối câu với tranh	5	4,98	3,91	4,72	4,54	0,18	1,54	0,57	0.76
E	Đọc bài	15	5,12	4,42	5,36	4,97	1,92	2,19	2,78	2.30
	Trả lời câu hỏi	5	1,8	1,74	2,64	2,06	0,82	1,44	1,33	1.20
<b>Tổng</b>		<b>100</b>	<b>74.03</b>	<b>63.64</b>	<b>69.05</b>	<b>68.91</b>	<b>14.03</b>	<b>10.4</b>	<b>9.5</b>	<b>11.31</b>



*Biểu đồ 1. Kết quả kiểm tra sâu kỹ năng đọc của HS lớp 2 có khó khăn về đọc tại Kiên Giang*

Kết quả đánh giá sâu đặc điểm khó khăn về đọc của HS lớp 2 tại Kiên Giang cho thấy:

- HS đạt mức điểm trung bình toàn bài kiểm tra là 68,91%; với độ lệch chuẩn là 11,31. Điểm tối đa toàn bài kiểm tra là 100. Bài kiểm tra trong bộ công cụ đánh giá sâu đặc điểm đọc được cho là có mức độ yêu cầu rất sơ giản, được thiết kế dành riêng để kiểm tra các HS có khó khăn về đọc. Các nội dung kiểm tra này có tham chiếu các nghiên cứu trước đó cũng như đối chiếu với yêu cầu về kĩ năng đọc quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông dành cho cấp tiểu học. Độ khó toàn bài kiểm tra được kiểm soát sao cho những HS có năng lực học tập ở mức

trung bình (đạt được yêu cầu tối thiểu theo quy định) hầu hết đều có thể đạt được 85 điểm trở lên.

- Trong 8 nội dung kiểm tra, những HS khó khăn về đọc lớp 2 gặp khó khăn nhất ở các nhiệm vụ : + Đọc bài; + Trả lời câu hỏi về nội dung bài đọc; + Đọc tiếng; + Đọc vần khó. Trái lại, với các nhiệm vụ như đọc chữ và dấu thanh và nối tranh tương ứng với nội dung câu vừa đọc thì HS hầu như ít gặp khó khăn.

### 2.2.2. Phân tích theo từng nhiệm vụ cụ thể

- Đọc chữ và dấu thanh (xem *bảng 7* trang bên)

*Bảng 7* cho thấy: Ở nhiệm vụ nhận diện, đọc tên chữ và dấu thanh, HS lớp 2 khó khăn về đọc ở Kiên Giang gặp khó khăn nhất trong việc đọc các chữ có ngoại lệ về

chính tả như *qu, gh, gi, ngh* và ở cặp chữ đơn đối xứng *q - p*. Trong khi đó, hầu hết

**Bảng 7. Kết quả đọc các chữ và dấu thanh HS lớp 2 khó khăn về đọc ở Kiên Giang theo thứ tự giảm dần tỉ lệ đọc sai (n=24).**

Thứ tự mức độ sai/lần	Chữ & dấu thanh	Số lượng HS mắc lỗi	Tỉ lệ %	Thứ tự mức độ sai/lần	Chữ & dấu thanh	Số lượng HS mắc lỗi	Tỉ lệ %
1	qu	15	62,50	24	(nặng)	1	4,17
2	q	14	58,33	25	ã	1	4,17
3	p	9	37,50	26	b	1	4,17
4	kh	9	37,50	27	m	1	4,17
5	ph	9	37,50	28	ư	1	4,17
6	gh	8	33,33	29	(sắc)	1	4,17
7	tr	7	29,17	30	ơ	1	4,17
8	gi	7	29,17	31	o	1	4,17
9	ngh	6	25,00	32	u	1	4,17
10	th	5	20,83	33	e	1	4,17
11	r	5	20,83	34	l	0	0,00
12	k	5	20,83	35	đ	0	0,00
13	nh	4	16,67	36	(ngã)	0	0,00
14	ng	4	16,67	37	t	0	0,00
15	s	3	12,50	38	y	0	0,00
16	g	2	8,33	39	n	0	0,00
17	th	2	8,33	40	a	0	0,00
18	v	2	8,33	41	i	0	0,00
19	(huyền)	2	8,33	42	ê	0	0,00
20	â	2	8,33	43	ô	0	0,00
21	ch	1	4,17	44	c	0	0,00
22	x	1	4,17	45	(hỏi)	0	0,00
23	h	1	4,17				

các chữ đơn khác, các kí hiệu dấu thanh như *hỏi, ngã, sắc, nặng* thì hầu như rất ít hoặc không có HS nào nhận diện và đọc sai.

- *Đọc vần* (xem *bảng 8*)

**Bảng 8. Tỉ lệ đọc sai các vần khó của HS khó khăn về đọc lớp 2 ở Kiên Giang**

Thứ tự tỉ lệ mắc lỗi đọc	Vần	Số HS đọc sai	Tỉ lệ %
1	<i>uêch</i>	22	91,67
2	<i>ưôm</i>	15	62,50
3	<i>oay</i>	13	54,17
4	<i>oe</i>	11	45,83
5	<i>ia</i>	10	41,67

Toàn bộ 5 vần được kiểm tra đều là vần khó hoặc dễ lẫn gồm vần ít gặp (*uêch*), vần chứa nguyên âm đôi (*ưôm, ia*), vần

có âm đệm và có yếu tố dễ nhầm lẫn về quy tắc hoặc trật tự chữ cái (*oay, oe*). Kết quả cho thấy, HS đặc biệt gặp khó khăn với vần khó và ít gặp như vần *uêch*, với tỉ lệ nhận diện nhầm và không đọc được lên đến 91,67%.

- *Đọc tiếng có nghĩa, tiếng rỗng và nghe - trả lời câu hỏi về từ*. HS được yêu cầu đọc 5 tiếng có nghĩa và 5 tiếng rỗng nhằm kiểm tra khả năng ghép vần và đọc trơn tiếng, từ rời. Kết quả xét theo lỗi đọc hoặc không đọc được (xem *bảng 9*).

Trong số 10 tiếng ở *bảng trên*, các tiếng rỗng viết bằng nhiều con chữ có độ khó đọc cao nhất với HS (có 87,50% HS khó khăn về đọc không thể đọc hoặc đọc sai các tiếng *khuyêch, chươp*. Trong khi đó, với các tiếng rỗng viết bằng ít con chữ như *đuở, xời* có số HS đọc sai hoặc không đọc được ít hơn các tiếng có nghĩa

nhưng viết bằng nhiều con chữ, như *đuổi, trượt*. Tỉ lệ đọc sai thấp nhất ở các tiếng có nghĩa viết bằng ít con chữ, ví dụ: *lá, béo* (*bảng 9*).

**Bảng 9. Tỉ lệ đọc sai các vần khó của HS khó khăn về đọc ở lớp 2 ở tỉnh Kiên Giang**

Thứ tự tỉ lệ đọc sai hoặc không đọc được	Tiếng (có nghĩa & rỗng)	Số HS đọc sai	Tỉ lệ %
1	<i>khuyêch</i>	21	87,50
2	<i>chươp</i>	21	87,50
3	<i>toãn</i>	20	83,33
4	<i>đuổi</i>	13	54,17
5	<i>trượt</i>	12	50,00
6	<i>xời</i>	12	50,00
7	<i>thuyền</i>	9	37,50
8	<i>đuở</i>	8	33,33
9	<i>béo</i>	4	16,67
10	<i>lá</i>	3	12,50

Trong khi việc đọc thành tiếng các từ rời có nghĩa và không có nghĩa đều là “thách thức” không nhỏ đối với HS khó khăn về đọc, việc nghe - trả lời các câu hỏi về nghĩa từ cũng như phân tích tiếng dường như dễ dàng hơn (xem *bảng 10*).

*Bảng 10. Kết quả trả lời các câu hỏi về từ*

STT	Câu hỏi	Đúng		Sai	
		SL	%	SL	%
1	Từ nào sau đây chỉ con vật? <i>ghé, trâu, mía, nương</i>	19	79,17	5	20,83
2	Từ nào sau đây chỉ màu sắc? <i>bãi, ao, tím, mây</i>	11	45,83	13	54,17
3	Từ nào sau đây chỉ sự chuyển động? <i>ngủ, lướt, phẳng, dưới</i>	6	25,00	18	75,00
4	Từ nào sau đây có vần <b>eo</b> ? <i>táo, khoe, kéo</i>	15	62,50	9	37,50
5	Từ nào sau đây có vần <b>oa</b> ? <i>báo, cào, khóa</i>	15	62,50	9	37,50

- *Đọc câu rồi ghép với tranh tương ứng* (xem *bảng 11*).

Ở nhiệm vụ này, HS hoàn thành với kết quả tốt hơn so với nhiệm vụ đọc từ. Trung bình, các em đọc được 13 trên tổng số 20 tiếng có trong 5 câu khác nhau, với độ dài mỗi câu từ 2 tiếng đến 6 tiếng. Có lẽ, một mặt do các từ đều có nghĩa, lại tương tác với các từ khác trong câu nên HS có thể

*Bảng 11. Kết quả kiểm tra nhiệm vụ đọc câu và ghép tranh tương ứng*

Nội dung kiểm tra	Yêu cầu	Mean	Std. Deviation
Đọc câu	Đọc 5 câu, tổng số 20 tiếng, mỗi tiếng đọc đúng được 0,5 điểm	6,64	2,46
Ghép tương ứng với tranh	Có 5 câu ứng với 5 bức tranh. Nói đúng mỗi câu với tranh được 1 điểm.	4,54	0,76

“đoán” thêm được một số từ, dù chưa thực sự đọc được từ đó. Điều này được khẳng định thêm khi thực hiện nhiệm vụ ghép tranh, trung bình HS đạt 4,5 trên tổng 5 điểm (xem *bảng 11*).

- *Đọc bài và trả lời câu hỏi tìm hiểu bài* (xem *bảng 12*)

*Bảng 12. Kết quả đọc bài của HS khó khăn về đọc lớp 2 Kiên Giang (n=24)*

	Yêu cầu	Mean	SD
Tốc độ đọc (tiếng đúng/phút)	Đọc to thành tiếng bài đọc, thời gian không quá 3 phút	21,2	8,06
Tỉ lệ % lỗi đọc	Tính tỉ lệ % tiếng HS đọc sai trên tổng số tiếng đọc	25,41	17,53
Điểm tốc độ đọc	Chấm theo thang điểm 10 dựa trên kết quả tốc độ đọc bài	3,25	1,32
Điểm kĩ thuật đọc	Đọc trơn, ngắt nghỉ hơi đúng. Tối đa được 5 điểm.	1,72	0,92
Trả lời câu hỏi	Đọc thầm hoặc nghe đọc lại bài rồi trả lời 5 câu hỏi. Mỗi câu trả lời đúng được 1 điểm	2,06	1,20

Trung bình 1 HS lớp 2 được xác định có khó khăn về đọc ở Kiên Giang đọc bài với tốc độ 21,2 tiếng đúng/phút. Tốc độ này thấp hơn mức yêu cầu tối thiểu của HS cuối lớp 1 (30 tiếng/phút). Những HS này cũng có tỉ lệ mắc lỗi cao, trung bình lên đến 25,41 %, nghĩa là hầu như cứ đọc 10 tiếng thì có tới 3 tiếng sai. Các em cũng chưa đọc trơn được toàn bài, chưa biết cách ngắt, nghỉ hơi đúng.

Mặc dù khía cạnh hiểu nội dung bài đọc sau khi đọc thầm hoặc nghe GV đọc sẽ không phải là thách thức với hầu hết HS có khó khăn về đọc. Tuy nhiên, để tìm kiếm thông tin trong bài đọc và suy luận nội dung để trả lời câu hỏi tìm hiểu bài lại là nhiệm vụ khó, nhiều thách thức với HS. Những em này chỉ đạt trung bình 2,06 trên tổng số 5 điểm ứng với 5 câu hỏi tìm hiểu bài (xem *bảng 12*).

Tỉ lệ khoảng 5,86 % HS lớp 2 tại Kiên Giang có đủ dấu hiệu bộc lộ khó khăn về đọc dường như ít nhiều cao hơn tỉ lệ của một nghiên cứu trước đó, rằng ước tính có 3-4% HS tiểu học có khó khăn về đọc. Tuy thế, số liệu này lại tương thích theo ước tính của một số nghiên cứu quốc tế. Chẳng hạn, nghiên cứu của Snowling (2002) cho thấy khoảng 4-7% trẻ em có tuổi đọc chậm từ 18-24 tháng so với mong đợi.

Những đặc điểm khả năng đọc của HS có khó khăn về đọc như được phân tích ở mục 2.2 hầu như phù hợp với mô tả trong ICD 10, F81.0 - Rối loạn đặc hiệu về đọc.

Kết quả sàng lọc 191 HS lớp 2 có kết quả học tập thấp ở môn *Tiếng Việt* (với 17 items) và đánh giá sâu với 24 HS được xác định có khó khăn về đọc điển hình tại Kiên Giang cho phép rút ra một số kết luận:

- Những HS lớp 2 có khó khăn về đọc tại Kiên Giang trung bình bộc lộ từ 10 dấu hiệu trong tổng số 17 dấu hiệu trở lên trong bảng sàng lọc; - Trong tổng số 1.245 HS lớp 2 tại 15 trường khảo sát, có 73 em qua sàng lọc bộc lộ từ 10 dấu hiệu khó khăn về đọc trở lên (theo bảng sàng 17 dấu hiệu đã xây dựng), ước tính, tỉ lệ HS có khó khăn về đọc lớp 2 tại Kiên Giang là 5,86%; - Trong 8 nội dung kiểm tra, các HS khó khăn về đọc lớp 2 hạn chế nhất khi thực hiện các nhiệm vụ: + Đọc bài; + Trả lời câu hỏi về nội dung bài đọc; + Đọc tiếng; + Đọc vẫn khó; Trái lại, với các nhiệm vụ đọc *chữ, dấu thanh*, và nối tranh tương ứng với nội dung câu vừa đọc thì HS hầu như ít gặp khó khăn hơn; - Ở từng nhiệm vụ đọc cụ thể, HS khó khăn về đọc ở lớp 2 Kiên Giang đã bộc lộ những đặc điểm riêng, đặc thù về khả năng đọc; Với nhiệm vụ đọc chữ và dấu thanh, các em thường gặp khó khăn về các tổ hợp chữ có quy tắc riêng về chính tả (*qu, gi, gh, ngh*) và cặp chữ đơn đối xứng *q - p*; Các

vẫn ít gặp, các tiếng viết bằng nhiều con chữ cũng là thách thức thực sự đối với việc đọc của HS.

Khi đọc câu, HS có thể dựa vào các từ, ngữ và văn cảnh để suy đoán và đọc các chữ chưa biết. Tuy nhiên, với nhiệm vụ đọc bài thì các em thường đọc rất chậm, mắc nhiều lỗi và rất khó tìm kiếm thông tin chi tiết để suy luận, trả lời câu hỏi tìm hiểu bài.

\* \* \*

Nghiên cứu sàng lọc và đánh giá đặc điểm đọc của HS lớp 2 khó khăn về đọc ở Kiên Giang hi vọng góp thêm tư liệu và căn cứ để xây dựng các chương trình hành động giáo dục hỗ trợ HS, GV, phụ huynh HS và các nhà trường trong việc hiểu và đáp ứng nhu cầu thực tiễn liên quan đến đối tượng HS có khó khăn học tập có tính đặc thù này. □

#### Tài liệu tham khảo

- [1] Bùi Thế Hợp (2014). *The prevalence and several characteristics of students with reading difficulty/dyslexia in a research sample*. ХаБаршы Вестник, series Multilingual education and philology of foreign language, N<sub>0</sub> 2 (6), 2014, Pp. 47-52, ISSN 2307-7891.
- [2] Bùi Thế Hợp (2014). *Mức độ phổ biến của học sinh khó khăn về đọc trong một mẫu nghiên cứu*. Tạp chí Giáo dục, số đặc biệt, tháng 8/2014; tr 26-28.
- [3] Bùi Thế Hợp (2011). *Khả năng đọc từ rộng và tốc độ đọc thành tiếng ở học sinh tiểu học*. Tạp chí Giáo dục, số 263/2011; tr 29-30.
- [4] SEQAP (2013). *Báo cáo giữa kì, tháng 4/2013*.
- [5] Snowling, M. J. (2002). *Reading and other learning difficulties*. In: Rutter M. & Taylor E., eds. Child & adolescent psychiatry, 4<sup>th</sup> edition, chapter 40. Black Well Science, 2002.
- [6] Snowling, M. J. & Stackhouse J. (2006). *Dyslexia, speech and language: A practitioner's handbook. 2<sup>nd</sup> Edition*. Whurr Publishers, London & Philadelphia.
- [7] WHO (2016). ICD 10. F81. [www.who.int/classifications/icd10/browse/2016/en#/F81](http://www.who.int/classifications/icd10/browse/2016/en#/F81).